

BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Thang điểm ... /140

(Phần 1 có 100 câu, mỗi câu 1 điểm = 100 điểm; phần 2 có 10 câu, mỗi câu 4 ý, mỗi ý 1 điểm = 40 điểm)

PHẦN 1 – CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

I. NHẬN BIẾT

Câu 1: Tháng 1/1959, tổ chức khu vực nào sau đây được thành lập ở Đông Nam Á?

- A. ASEAN. B. SEAFET. C. EU. D. APEC.

Câu 2: Tổ chức khu vực nào sau đây được thành lập ở Đông Nam Á năm 1963?

- A. MAPHILINDO. B. NAFTA.
C. APEC. D. EU.

Câu 3: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập năm 1967 tại

- A. Ma-ni-la (Phi-lip-pin). B. Cua-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a).
C. Ba-li (In-đô-nê-xi-a). D. Băng Cốc (Thái Lan).

Câu 4: Các nước sáng lập tham gia sáng lập ASEAN là

- A. Việt Nam, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.
B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
C. Thái Lan, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
D. Lào, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.

Câu 5: Tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 trong hoàn cảnh nào sau đây?

- A. Xu thế toàn cầu hóa ảnh hưởng mạnh mẽ đến khu vực.
B. Nền kinh tế các nước vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu.
C. Tất cả các nước Đông Nam Á giành được độc lập.
D. Những mâu thuẫn trong khu vực lên tới đỉnh điểm.

Câu 6: Văn kiện nào đã nêu rõ mục đích thành lập của tổ chức ASEAN?

- A. Tuyên bố ASEAN. B. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
C. Hiệp định Paris. D. Tuyên bố Lahay.

Câu 7: Quốc gia nào sau đây ở Đông Nam Á vừa ra đời đã được kết nạp vào tổ chức ASEAN và Liên hợp quốc?

- A. Đông Timor. B. Singapore. C. Việt Nam. D. Bru-nây.

Câu 8: Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), quốc gia nào đã gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Thái Lan. B. Brunei. C. Myanmar. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 9. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong hoàn cảnh nào sau đây?

- A. Thế giới và khu vực đang có những chuyển biến quan trọng.
B. Tất cả các nước khu vực Đông Nam Á đều giành được độc lập.
C. Chiến tranh lạnh kết thúc, các dân tộc đang hòa hợp, hòa giải.
D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây trở thành chủ đạo trên thế giới.

Câu 10. Ngày 8 - 8 - 1967, tại Băng - Cốc (Thái Lan) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây của ASEAN?

- A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN.
- B. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết.
- C. Lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên.
- D. Hiệp ước Ba-li đã được thông qua.

Câu 11. Quốc gia nào sau đây là thành viên thứ 10 của ASEAN?

- A. Việt Nam.
- B. Thái Lan.
- C. Mi-an-ma.
- D. Cam-pu-chia.

Câu 12. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), Đông Nam Á là thuộc địa của

- A. Nhật.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Mỹ.

Câu 13. Một trong những quốc gia tham gia sáng lập tổ chức ASEAN (1967) là

- A. Cam-pu-chia.
- B. Việt Nam.
- C. Thái Lan.
- D. Bru-nây.

Câu 14. Ba nước ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào năm 1945 là

- A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
- C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
- D. Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

Câu 15: Trong những sự kiện dưới đây sự kiện nào đánh dấu sự khởi sắc và hoạt động có hiệu quả của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. 10 nước Đông Nam Á tham gia vào tổ chức năm 1999.
- B. Việt Nam gia nhập vào tổ chức năm 1995.
- C. Hiệp ước Bali được ký kết năm 1976.
- D. Vấn đề Campuchia được giải quyết năm 1989.

Câu 16: Trong giai đoạn nào, tổ chức ASEAN tập trung chủ yếu vào hợp tác chính trị - an ninh “xây dựng lòng tin và học cách hòa giải”?

- A. Giai đoạn 1967 - 1976.
- B. Giai đoạn 1976 - 1999.
- C. Giai đoạn 1999 - 2015.
- D. Giai đoạn 2015 đến nay.

Câu 17: Trong giai đoạn 1976 - 1999, tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã ra Tuyên bố nào sau đây?

- A. Tuyên bố về khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập.
- B. Tuyên bố Bali I.
- C. Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN.
- D. Tuyên bố Bali II.

Câu 18. Thành viên thứ 7 của tổ chức ASEAN là

- A. Brunây.
- B. Lào.
- C. Campuchia.
- D. Việt Nam.

Câu 19: Một trong ba trụ cột chính của Cộng đồng ASEAN là

- A. Cộng đồng Giáo dục.
- B. Cộng đồng Quốc phòng.
- C. Cộng đồng Quân sự.
- D. Cộng đồng Kinh tế.

Câu 20: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 trong bối cảnh

- A. Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- B. một số tổ chức hợp tác mang tính khu vực đã ra đời.
- C. Việt Nam đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- D. trật tự hai cực Ianta đã sụp đổ hoàn toàn.

- Câu 21:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 trong bối cảnh
- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại diễn ra mạnh mẽ.
 - Việt Nam đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.
 - trật tự hai cực Ianta đã sụp đổ hoàn toàn.
 - Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- Câu 22:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 trong bối cảnh
- trật tự hai cực Innta đã sụp đổ hoàn toàn.
 - Việt Nam đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.
 - Khởi thị trường chung châu Âu đang có nhiều khởi sắc.
 - Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- Câu 23:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 trong bối cảnh
- nhiều nước ở Đông Nam Á đã giành được độc lập.
 - Việt Nam đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.
 - Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
 - trật tự hai cực Ianta đã sụp đổ hoàn toàn.
- Câu 24:** Mục tiêu ban đầu của tổ chức ASEAN là
- phát triển kinh tế và văn hóa.
 - phát triển kinh tế và chính trị.
 - hợp tác về an ninh và chính trị.
 - hợp tác về chính trị và văn hóa.
- Câu 25:** Một trong những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là
- Nhật Bản.
 - Ấn Độ.
 - Iran.
 - Thái Lan.
- Câu 26:** Một trong những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là
- Ấn Độ.
 - Nhật Bản.
 - Iran.
 - Malaixia.
- Câu 27:** Một trong những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là
- Ấn Độ.
 - Iran.
 - Nhật Bản.
 - Xingapo.
- Câu 28:** Một trong những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là
- Iran.
 - Indônêxia.
 - Nhật Bản.
 - Ấn Độ.
- Câu 29:** Quốc gia nào sau đây là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?
- Pháp.
 - Anh.
 - Mỹ.
 - Thái Lan.
- Câu 30:** Một trong những nguyên tắc cơ bản trong hiệp ước Ba li (2/1976) là
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
 - Trao đổi mua bán vũ khí với nhau
 - Hợp tác kinh tế, văn hóa khoa học - kỹ thuật
 - Thực hiện giao thông hàng hải đường biển an toàn

II. THÔNG HIỂU

- Câu 1:** Quá trình mở rộng thành viên của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á từ ASEAN 5 thành ASEAN 10 diễn ra mạnh mẽ chủ yếu trong giai đoạn nào sau đây?

A. Giai đoạn 1967 - 1976.

B. Giai đoạn 1976 - 1999.

C. Giai đoạn 1999 - 2015.

D. Giai đoạn 2015 đến nay.

Câu 2: Trong giai đoạn 2015 đến nay, tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chủ yếu tập trung vào vấn đề nào sau đây?

A. Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN.

B. Xây dựng lòng tin và học cách hòa giải.

C. Kết nạp và mở rộng thành viên của tổ chức.

D. Bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác bên ngoài.

Câu 3: Trong những năm 60 của thế kỉ XX, xu hướng nào trên thế giới tác động tới sự ra đời của tổ chức Hiệp ước các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Đơn cực.

B. Liên kết khu vực.

C. Toàn cầu hóa.

D. Hòa hoãn Đông - Tây.

Câu 4: Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1967 là

A. yêu cầu hợp tác, phát triển giữa các nước trong khu vực.

B. sự đe dọa của chủ nghĩa khủng bố đến an ninh khu vực.

C. sự phát triển của xu thế liên kết khu vực và toàn cầu hoá.

D. yêu cầu hợp tác để cạnh tranh với các siêu cường thế giới.

Câu 5: Một trong những mục đích thành lập của tổ chức ASEAN là

A. đưa Đông Nam Á trở thành số 1 thế giới.

B. xây dựng khối tư bản chủ nghĩa phát triển.

C. thúc đẩy hòa bình - ổn định của khu vực.

D. thúc đẩy sự hợp tác toàn diện, thống nhất.

Câu 6: Quá trình phát triển từ “ASEAN 5” đến “ASEAN 10” diễn ra lâu dài chủ yếu vì

A. mức độ giành được độc lập ở mỗi nước khác nhau.

B. ngay từ khi thành lập không có mục tiêu rõ ràng.

C. nhiều nước vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu.

D. nguyên tắc đồng thuận của 5 nước lớn sáng lập.

Câu 7: Nét nổi bật trong mối quan hệ của ba nước Đông Dương và ASEAN từ cuối những năm 70 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX là gì?

A. Đối thoại hòa bình.

B. Đối đầu, căng thẳng.

C. Hòa bình, cùng phát triển.

D. Hợp tác cùng phát triển.

Câu 8. Nội dung nào **không có** trong nguyên tắc hoạt động của ASEAN

A. tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

B. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực.

D. chung sống hòa bình và sự nhất trí của 5 nước lớn.

Câu 9: Trong mười năm đầu sau khi thành lập, hợp tác kinh tế của tổ chức ASEAN

A. chưa được đề ra trong mục tiêu hợp tác giữa các nước.

B. chịu những tác động sâu sắc của xu thế toàn cầu hóa.

C. thúc đẩy các nước xóa bỏ chiến lược kinh tế hướng nội.

D. chưa đáp ứng được mục tiêu của các nước thành viên.

Câu 10: Một trong những thành tựu của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ở nửa sau thế kỉ XX là giải quyết được “vấn đề Campuchia” bằng một giải pháp về

- A. chính trị. B. văn hóa. C. kinh tế. D. quân sự.

Câu 11. Một trong những xu thế xuất hiện từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) kết thúc là

- A. chống khủng bố. B. liên kết khu vực. C. thực dân hóa. D. toàn cầu hóa.

Câu 12. Tổ chức hợp tác nào mang tính khu vực trên thế giới đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết lại với nhau?

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu. B. Diễn đàn kinh tế Thái Bình Dương.
C. Cộng đồng các quốc gia độc lập. D. Cộng đồng kinh tế Châu Âu.

Câu 13. Một trong những nội dung hợp tác chủ yếu của các nước ASEAN khi thành lập là

- A. xã hội. B. đối ngoại. C. kinh tế. D. thể thao.

Câu 14. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

- A. hợp tác để cùng nhau phát triển. B. thành lập một liên minh quân sự.
C. tiến tới thành lập nước Liên bang. D. tổ chức lại trật tự khu vực châu Á.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây **không** phải phạm vi hợp tác chủ yếu của các nước ASEAN khi thành lập?

- A. xã hội. B. kinh tế. C. tiền tệ. D. chính trị.

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh lí do trong giai đoạn 1979 - 1991 quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN căng thẳng?

- A. Vấn đề Cam-pu-chia. B. Tranh chấp biên giới.
C. Xung đột ở Biển Đông. D. Khủng hoảng năng lượng.

Câu 17. Trong quá trình phát triển của ASEAN, giai đoạn từ 1967 - 1976 có đặc điểm

- A. tập trung hợp tác chính trị, an ninh. B. xây dựng nền móng phát triển thần kỳ.
C. tránh mọi đối đầu về quân sự. D. nền kinh tế xuất khẩu mạnh mẽ.

Câu 18. Sự kiện nào sau đây đã đưa ASEAN từ tổ chức non yếu trở nên hoàn thiện, vị thế được nâng cao trên thế giới?

- A. Hiệp ước Ba-li được ký kết. B. Thông qua tuyên bố ASEAN
C. Thông cáo Thượng Hải. D. Hiệp định Giơ-ne-vo.

Câu 19. Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

- A. phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung.
B. tăng cường quan hệ hợp tác mọi mặt nhằm phát triển kinh tế - quân sự.
C. để củng cố quan hệ chính trị, giúp đỡ Đông Dương giành lại độc lập.
D. để giải quyết vấn đề xung đột Cam-pu-chia và tranh chấp ở Biển Đông.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân Nhật Bản đặt trọng tâm vào quan hệ với Đông Nam Á và ASEAN từ những năm 90 của thế kỷ XX?

- A. Đông Nam Á đông dân, giàu tài nguyên. B. Đây đã là xu thế chung của thế giới.
C. Để cạnh tranh sức ảnh hưởng với Nga. D. Để xây dựng một số căn cứ quân sự.

- Câu 21:** Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có điều kiện mở rộng thành viên do
- A. vấn đề Campuchia được giải quyết. B. xu thế hòa hoãn Đông - Tây xuất hiện.
C. xu thế toàn cầu hóa bắt đầu xuất hiện. D. Mỹ rút quân khỏi các nước Đông Dương.
- Câu 22.** Nội dung nào sau đây là khó khăn trong quá trình mở rộng thành viên của ASEAN từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989)?
- A. Sự khác biệt về thể chế chính trị. B. Tác động từ các nước châu Mỹ.
C. Mâu thuẫn gay gắt về văn hóa. D. Tác động từ chủ nghĩa khủng bố.
- Câu 23.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến quan hệ đối thoại, hợp tác và hội nhập giữa tổ chức ASEAN với ba nước Đông Dương từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX là
- A. do cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt. B. do đây là xu thế chung của thế giới.
C. vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết. D. tác động của xu thế Toàn cầu hóa.
- Câu 24.** Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân đã thúc đẩy Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN?
- A. Quan hệ ASEAN và Tây Âu chuyển sang đối thoại, hợp tác.
B. Đây nội dung trong chính sách đối ngoại được Liên Xô đồng ý.
C. Tất cả các nước Đông Nam Á đã gia nhập vào tổ chức ASEAN.
D. Tổ chức ASEAN phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam.
- Câu 25:** Trong những năm 1967 - 1975, tổ chức ASEAN
- A. hợp tác có hiệu quả trong việc hỗ trợ các nước phát triển kinh tế.
B. là một tổ chức non trẻ, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo.
C. đã kết nạp được tất cả các nước trong khu vực làm thành viên.
D. là tổ chức kinh tế - chính trị lớn, có tầm ảnh hưởng đối với quốc tế.
- Câu 26:** Quá trình phát triển từ “ASEAN 5” đến “ASEAN 10” **không** chịu tác động của
- A. chủ nghĩa khủng bố quốc tế. B. xu thế toàn cầu hóa.
C. cuộc Chiến tranh lạnh. D. xu thế liên kết khu vực.
- Câu 27.** Quan hệ giữa ASEAN với ba nước Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1967 đến năm 1975 là
- A. hợp tác toàn diện. B. liên minh chặt chẽ.
C. đối đầu căng thẳng. D. đối thoại, hòa hoãn.
- Câu 28.** Mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần
- A. vì hòa bình dân chủ trên thế giới. B. duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
C. đảm bảo an ninh và sẵn sàng chiến đấu. D. ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.
- Câu 29.** Thành tựu nổi bật nhất của các nước Đông Nam Á từ giữa thế kỉ XX đến nay là gì?
- A. Đạt nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế.
B. Trở thành các nước độc lập, thoát khỏi sự phụ thuộc vào các thế lực đế quốc.
C. Trở thành khu vực năng động và phát triển nhất thế giới.
D. Trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.
- Câu 30.** Nhân tố chủ quan quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự giúp đỡ của lực lượng quân Đồng minh sau chiến tranh.
- B. sự suy yếu và chia rẽ của các nước đế quốc ở phương Tây.
- C. sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của các nước XHCN.
- D. ý thức độc lập, tự chủ và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

III. VẬN DỤNG

Câu 1: Đến năm 2000, tất cả các nước trong khu vực Đông Nam Á đều

- A. là thành viên của Liên hợp quốc.
- B. là những quốc gia theo Phật giáo.
- C. không vay nợ từ bên ngoài.
- D. có nền kinh tế phát triển mạnh.

Câu 2: Từ khi thành lập đến năm 1976, ASEAN là tổ chức

- A. hùng mạnh.
- B. phát triển.
- C. chặt chẽ.
- D. lỏng lẻo.

Câu 3: Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN từ năm 1979 đến 1989 là

- A. đồng minh.
- B. hợp tác.
- C. căng thẳng.
- D. hòa bình.

Câu 4: Hội nghị cấp cao ASEAN (11-2007) đã kí kết bản Hiến chương ASEAN nhằm

- A. xây dựng một cộng đồng ASEAN có vị thế cao hơn.
- B. xây dựng ASEAN thành một khu vực mậu dịch tự do.
- C. thành lập diễn đàn khu vực Đông Nam Á (ARF).
- D. đẩy mạnh quan hệ với các nước ngoài khu vực.

Câu 5: Sắp xếp tên các quốc gia gia nhập ASEAN theo thứ tự thời gian

(1) Việt Nam, (2) Lào, (3) Brunay, (4) Xinggapo

- A. 4,3,1,2.
- B. 1,3,2,4.
- C. 4,1,3,1.
- D. 3,2,4,1.

Câu 6: Nội dung nào sau đây là hạn chế trong quá trình phát triển của ASEAN từ khi thành lập (1967) đến nay?

- A. Tranh chấp lãnh thổ diễn ra thường xuyên ở Đông Nam Á.
- B. Sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước thành viên.
- C. Mâu thuẫn gay gắt về vấn đề xây dựng các đập thủy điện.
- D. Sự chi phối và tác động của một số cường quốc bên ngoài.

Câu 7: Từ năm 1976 đến năm 1978, quan hệ giữa Việt Nam với tổ chức ASEAN

- A. tiếp tục căng thẳng.
- B. bắt đầu căng thẳng.
- C. bước đầu được cải thiện.
- D. được xác lập.

Câu 8: Ngay khi ra Tuyên bố Băng Cốc (năm 1967), ASEAN đã mong muốn

- A. xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á.
- B. tái thiết lập một liên minh chính trị - quân sự chung cho toàn khu vực.
- C. giải quyết tất cả các tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp quân sự.
- D. thành lập một khối quân sự thống nhất giữa các nước trong khu vực.

Câu 9: Tháng 1/2007, ASEAN quyết định đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối, thống nhất mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 dựa trên cơ sở pháp lý nào?

- A. Hiệp ước Bali.
- B. Tuyên bố Băng Cốc.
- C. Tuyên bố Bali II.
- D. Hiến chương ASEAN.

Câu 10: Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại chủ yếu là do

- A. có nhiều khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia dân tộc.
- B. nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với một số nước.
- C. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh và cục diện hai cực, hai phe.
- D. các nước thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

Câu 11: Một trong những mục đích thành lập của tổ chức ASEAN là

- A. xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn lạc hậu.
- B. xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.
- C. xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự.
- D. Thúc đẩy sự cộng tác, tích cực giúp đỡ lẫn nhau.

Câu 12. Điều kiện tiên quyết đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN (1967) là các quốc gia thành viên đều

- A. giành được độc lập.
- B. có chế độ chính trị tương đồng.
- C. có nền kinh tế phát triển.
- D. có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

Câu 13. Điểm tương đồng trong quá trình ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Liên minh châu Âu là gì?

- A. Đều là những đồng minh tin cậy của Mỹ.
- B. Đều là đối tác quan trọng của Nhật.
- C. Xuất phát từ nhu cầu liên kết và hợp tác giữa các nước.
- D. Nhằm hạn chế những ảnh hưởng và tác động từ bên ngoài.

Câu 14. Nguyên tắc cơ bản nào **không** được quy định trong Hiệp ước Bali (2/1976)?

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- C. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc.
- D. Không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực đối với nhau.

Câu 15. Quá trình mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại vì

- A. thời gian giành độc lập của các nước không đều.
- B. nền kinh tế của các nước có nhiều cách biệt.
- C. khả năng quốc phòng của các nước yếu kém.
- D. các nước không có nhu cầu liên kết khu vực.

Câu 16. Điểm tương đồng về nguyên tắc của Liên hợp quốc, Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam và Hiệp ước Bali 1976 là

- A. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- B. tăng cường hợp tác toàn diện về kinh tế, xã hội, chính trị.
- C. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- D. giải quyết tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

Câu 17. Nhận xét nào sau đây về Hiệp ước Bali (1976) của tổ chức ASEAN là **không** đúng?

- A. Mở ra thời kì mới của tổ chức ASEAN.
- B. Chấm dứt hoàn toàn sự mâu thuẫn giữa các nước trong khu vực.
- C. Xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

D. Củng cố và tăng cường quan hệ giữa các nước.

Câu 18. Quá trình phát triển thành viên của ASEAN từ 5 nước ban đầu lên 10 nước **không** gặp phải trở ngại nào sau đây?

A. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.

B. Sự tác động của Chiến tranh lạnh.

C. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.

D. Thời gian giành độc lập của các nước không giống nhau.

Câu 19. Điểm khác biệt về nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) so với Liên hợp quốc là gì?

A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình,

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Câu 20. Cộng đồng châu Âu (EC) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh

A. trật tự hai cực lanta hình thành.

B. Chiến tranh lạnh chấm dứt.

C. xu thế liên kết khu vực phát triển mạnh.

D. trật tự Vécxai - Oasinhton tan rã.

Câu 21: Nhận xét nào sau đây về Hiệp ước Bali (1976) của tổ chức ASEAN là **không đúng**?

A. Đánh dấu sự khởi sắc trong hoạt động của ASEAN.

B. Củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nước.

C. Đánh dấu thời kỳ mở rộng thành viên của tổ chức.

D. Xây dựng được nguyên tắc hoạt động của tổ chức.

Câu 22: Nhận xét nào đúng về tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Là tổ chức khu vực được thành lập sớm nhất thế giới.

B. Mọi quyết định có giá trị như pháp luật của quốc gia.

C. Có đóng góp cho nền hòa bình ở khu vực và thế giới.

D. Có sự đồng nhất giữa các quốc gia về chính trị, kinh tế.

Câu 23: Sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN có ý nghĩa

A. góp phần thúc đẩy quá trình mở rộng thành viên của tổ chức.

B. tăng cường sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

C. buộc Mỹ phải bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

D. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển.

Câu 24. Một trong những khó khăn mà các nước ASEAN phải đương đầu sau khi thành lập là

A. khủng hoảng chính trị.

B. xuất phát điểm rất thấp.

C. nhiều dịch bệnh diễn ra.

D. xu thế hợp tác khu vực.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là tác động của Việt Nam đến sự phát triển của ASEAN khi gia nhập tổ chức (1995)?

A. Đập tan âm mưu nô dịch các nước ASEAN.

B. Củng cố nền độc lập mới ở Đông Nam Á.

C. Đẩy nhanh quá trình phát triển của ASEAN.

D. Thúc đẩy nhanh quá trình phi thực dân hóa.

Câu 26. Một trong những thuận lợi cơ bản mà các nước ASEAN có được sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) là

- A. đã cơ bản giành được độc lập.
- B. nhận viện trợ kinh tế của Mỹ.
- C. khôi phục quan hệ với Nhật Bản.
- D. thiết lập quan hệ với Liên Xô.

Câu 27. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh vai trò của tổ chức ASEAN đối với khu vực Đông Nam Á?

- A. Là nhân tố hàng đầu đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực.
- B. Quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới.
- C. Củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nước ở trong khu vực.
- D. Thúc đẩy sự tăng trưởng về kinh tế của các nước thành viên ASEAN.

Câu 28. Cơ hội khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN (1997) là

- A. khai thác vốn đầu tư phát triển quân sự.
- B. thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.
- C. tiếp thu những kinh nghiệm quản lý sản xuất.
- D. được mở rộng thị trường với các nước châu Âu.

Câu 29. Nội dung nào phản ánh **không** đúng vai trò của tổ chức ASEAN đối với việc bảo vệ hòa bình, ổn định ở khu vực và Biển Đông?

- A. Đoàn kết nhất trí và thể hiện vai trò, tinh thần trách nhiệm cao.
- B. Khẳng định các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và ASEAN.
- C. Lên án, phản đối hành động xâm phạm chủ quyền các quốc gia.
- D. Dùng biện pháp quân sự để bảo vệ hòa bình, ổn định ở khu vực.

Câu 30. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng những cơ hội khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Thu hút vốn đầu tư và khoa học - công nghệ tiên tiến.
- B. Tăng cường giao lưu về mọi mặt và mở rộng thị trường.
- C. Đẩy mạnh được công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- D. Tranh thủ sức mạnh quân sự để giải quyết khó khăn trong nước.

Câu 31. Thách thức về mặt kinh tế khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN là

- A. chịu sự cạnh tranh quyết liệt.
- B. tụt hậu trên các nền tảng công nghệ.
- C. nguy cơ mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội.

Câu 32. Từ sự phát triển của Xin-ga-po cuối thế kỷ XX, Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay?

- A. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế.
- B. Chú trọng phát triển ngành công nghệ phần mềm.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.
- D. Coi trọng khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 33. Nhận xét nào dưới đây phản ánh đúng về vai trò của tổ chức ASEAN trên trường quốc tế?

- A. Liên minh chính trị - kinh tế chiến lược của khu vực Đông Nam Á.
- B. Diễn đàn hợp tác kinh tế đa phương ở châu Á - Thái Bình Dương.
- C. Liên minh hợp tác toàn diện, hiệu quả của khu vực Đông Nam Á.
- D. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất của châu Á.

Câu 34: Nhận định nào sau đây phản ánh đúng về tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Hợp tác có hiệu quả cao từ khi ra đời, tạo vị thế quan trọng trên trường quốc tế.
- B. Được thành lập nhằm đối phó với những thách thức về an ninh và kinh tế.
- C. Quá trình mở rộng thành viên diễn ra lâu dài, liên tục trong thời gian tồn tại.
- D. Làm thất bại mưu đồ của các cường quốc muốn gia tăng ảnh hưởng ở khu vực.

Câu 35. Để giải quyết vấn đề biển Đông hiện nay, các nước ASEAN cần

- A. sự đồng thuận và có vai trò trung tâm.
- B. tranh thủ sự ủng hộ từ các nước châu Âu.
- C. sự đồng thuận và có vai trò hỗ trợ của Nga.
- D. phát huy tinh thần đoàn kết của ngư dân trong khu vực.

Câu 36: ASEN +3 là một cơ chế hợp tác giữa ASEN với

- A. Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc.
- B. Nga, Cu Ba, Triều Tiên.
- C. Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc.
- D. Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 37. Sự hợp tác của các nước ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã tác động đến

- A. chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống trên thế giới.
- B. chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) ở châu Phi sụp đổ.
- C. bản đồ chính trị thế giới có những thay đổi to lớn và sâu sắc.
- D. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó tan rã.

Câu 38. Tính đến thời điểm hiện nay thì nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á **chưa** là thành viên của tổ chức ASEAN?

- A. Bru-nây.
- B. Mi-an-ma.
- C. Phi-líp-pin.
- D. Đông Ti-mo.

Câu 39. Hiện nay tổ chức ASEAN có tất cả bao nhiêu nước thành viên?

- A. 8 nước.
- B. 9 nước.
- C. 10 nước.
- D. 11 nước.

Câu 40. Ý nào dưới đây **không** phù hợp khi giải thích về quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN và được đẩy mạnh từ đầu những năm 90 thế kỉ XX”.

- A. Chống lại sự hình thành trật tự "đa cực" nhiều trung tâm sau Chiến tranh lạnh.
- B. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.
- C. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, Xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.
- D. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

PHẦN 2 – CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Ở mỗi câu, HS điền Đ trước ý đúng và S trước ý sai.

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhận thức được sự tồn tại của các mối quan tâm lẫn nhau và các vấn đề chung giữa các nước Đông Nam Á và tin tưởng vào sự cần thiết phát tăng cường hơn nữa các mối quan hệ đoàn kết sẵn có trong khu vực, mong muốn xây dựng một nền tảng vững chắc cho hành động chung nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Nam Á: và xã hội của khu vực và bảo đảm sự phát triển đất nước hòa bình và tiến bộ, quyết tâm bảo đảm sự ổn định và an ninh không có sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất kì hình thức hoặc biểu hiện nào”.

(Tuyên bố Băng Cốc, ngày 8 - 8 - 1967)

- a. Tuyên bố Băng Cốc là văn kiện được đưa ra trước khi ASEAN được thành lập và đi vào hoạt động.
- b. Tuyên bố Băng Cốc cho thấy một trong những mục đích thành lập của ASEAN là duy trì hòa bình thế giới.
- c. Tuyên bố Băng Cốc đã đưa tới sự ra đời của tổ chức ASEAN.
- d. Tuyên bố Băng Cốc *xác định mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế, văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.*

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quyết tâm sử dụng những cố gắng cần thiết bước đầu để bảo đảm việc công nhận và tôn trọng Đông Nam Á là một khu vực hoà bình, tự do và trung lập, không có sự can thiệp dưới bất kỳ hình thức và phương cách nào của các nước ngoài khu vực. Các nước Đông Nam Á cần phối hợp nỗ lực nhằm mở rộng các lĩnh vực hợp tác để góp phần tăng cường sức mạnh, tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó hơn nữa”.

(ASEAN, *Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập*, ngày 27 - 11 - 1971)

- a. Nội dung tư liệu đề cập sự kiện các nước Đông Nam Á thành lập khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- b. Nội dung tuyên bố nhấn mạnh việc ASEAN không chấp nhận sự can thiệp của các nước ngoài khu vực.
- c. Văn kiện trên có vai trò quyết định trong việc duy trì hòa bình, thống nhất và trung lập của Đông Nam Á.
- d. *Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập* vẫn có giá trị đối với tổ chức ASEAN ngày nay.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Không tham gia vào bất kì một chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước, do bất kì một quốc gia thành viên ASEAN hay ngoài ASEAN hoặc đối tượng không phải là quốc gia tiến hành, đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay sự ổn định chính trị và kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN,

Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN, đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng”.

(Trích: Điều 2, *Hiến chương ASEAN*, ngày 20 - 11 - 2007)

- A. Nội dung tư liệu thể hiện hai mục tiêu cơ bản và quan trọng nhất của ASEAN từ khi thành lập.

- B. Nội dung tư liệu thể hiện tinh thần “thống nhất trong đa dạng” của ASEAN và Đông Nam Á.
C. Hiến chương ASEAN là văn kiện quan trọng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
D. Hiến chương ASEAN tiếp tục là cơ sở pháp lý cho hoạt động của ASEAN hiện nay.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tuyên bố ASEAN nêu rõ mục đích thành lập của ASEAN:

1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.
2. Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.
3. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và hành chính...”

(Theo *Tuyên bố ASEAN, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)*, NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr. 15-16)

- a. ASEAN thành lập nhằm mục đích phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở Đông Nam Á.
- b. Tổ chức ASEAN ra đời trên cơ sở Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.
- c. ASEAN hiện nay đã phát triển trở thành tổ chức hợp tác khu vực lớn nhất hành tinh.
- d. Quan hệ giữa các quốc gia thành viên trong ASEAN là bình đẳng và hợp tác tích cực.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thứ ba, để thực hiện các tôn chỉ và mục đích của ASEAN, sẽ thiết lập bộ máy dưới đây: a) Hội nghị hàng năm của các Ngoại trưởng sẽ được tiến hành trên cơ sở luân phiên và được gọi là Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN,...

Thứ tư, Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tán thành các tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích nói trên tham gia”.

(Tuyên bố Băng Cốc, ngày 8 - 8 - 1967)

- a. Đoạn tư liệu đề cập đến việc tổ chức hội nghị hàng năm của ngoại trưởng các nước Đông Nam Á.
- b. Nội dung Tuyên bố Băng Cốc cho thấy ASEAN sẵn sàng tiếp tục kết nạp thêm những thành viên khác trong khu vực.
- c. Tuyên bố Băng Cốc đóng vai trò là cơ sở pháp lý quan trọng nhất của ASEAN đến năm 2009.
- d. Hiện nay, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao không còn là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đến năm 2020, ASEAN sẽ thiết lập được một Đông Nam Á hoà bình và ổn định, ở đó mỗi nước sống bình yên, những nguyên nhân xung đột đã được loại bỏ qua việc tôn trọng công lý, luật pháp và tăng cường tinh thần tự cường quốc gia và khu vực,... toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một Cộng đồng ASEAN nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực”.

(Trích: Tầm nhìn ASEAN 2020)

- a. Văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua khi Cộng đồng ASEAN đã được thành lập.
- b. Kế hoạch xây dựng lộ trình ASEAN được thể hiện thông qua *Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 - 2015)*
- c. Những nguyên nhân xung đột đã được loại bỏ ở Đông Nam Á trước và sau năm 2020.
- d. Tầm nhìn ASEAN 2020 hướng đến xây dựng một cộng đồng ASEAN gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập bao gồm ba trụ cột là hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế và văn hóa - xã hội, được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích bảo đảm hòa bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực”.

(Trích: *Tuyên bố Ba-li II*, năm 2003)

- a. Kinh tế là một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
- b. Cộng đồng ASEAN được tuyên bố thành lập năm 2007.
- c. Cộng đồng ASEAN được thành lập sau khi ASEAN thông qua Hiến chương.
- d. Hiện nay ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN ngày càng phát triển chặt chẽ.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các quốc gia hội viên kí kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách và nhân phẩm... đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng sắc tộc, chủng tộc hay tôn giáo và hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình”.

(Trích: *Công ước Quốc tế về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*, năm 1966)

- a. Đoạn tư liệu đề cập đến quyền được hưởng giáo dục của con người.
- b. Đoạn tư liệu góp phần thực hiện mục đích của Liên hợp quốc.
- c. Cộng đồng ASEAN không kế thừa những tinh hoa của Liên hợp quốc.
- d. Ngày nay những quyền trên vẫn được Cộng đồng ASEAN phát huy.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sau khi giành độc lập dân tộc, các quốc gia Đông Nam Á từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, đưa tới nhu cầu hợp tác khu vực. Điều này cũng được thúc đẩy bởi sự phát triển của xu thế khu vực hóa trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX.

Trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài, đồng thời thúc đẩy hợp tác và tương trợ lẫn nhau, từ những năm 60 của thế kỷ XX, một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á.

Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với năm nước sáng lập là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan”.

(Trích *Sách giáo khoa lịch sử 12 bộ Cánh Diều*, tr 18,19)

- a. ASEAN được thành lập trong bối cảnh thế giới đang diễn ra Chiến tranh lạnh.
- b. ASEAN ra đời do tác động của xu thế liên kết khu vực.
- c. ASEAN ra đời chỉ nhằm một mục đích duy nhất là hợp tác kinh tế giữa các nước.
- d. ASEAN ra đời trong bối cảnh tất cả các nước Đông Nam Á đã giành độc lập.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lập lại quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng Đông Nam châu Á, góp phần xây dựng một khu vực Đông Nam châu Á hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh. Cam-pu-chia không tham gia bất cứ liên minh quân sự nào và không cho phép bất cứ nước nào lập căn cứ quân sự và đưa các loại thiết bị quân sự vào lãnh thổ Cam-pu-chia”

(Hệ thống tư liệu lịch sử gốc trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nguyễn Văn Ninh, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2017, tr. 126)

- a. Đoạn tư liệu đề cập đến một trong những chính sách đối ngoại của Cam-pu-chia.
- b. Nội dung trên cũng một trong những mục đích thành lập của ASEAN.
- c. Cam-pu-chia là thành viên cuối cùng tham gia tổ chức ASEAN.
- d. Hiện nay Cam-pu-chia và ASEAN tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình.